

Bản án số: **310** /2026/HNGĐ- ST

Ngày: 02/4/2026

V/v: *Tranh chấp HN-GĐ.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí
- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bôi và bà Đỗ Thị Kim Vân
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà: ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 02/4/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2026, về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2026. và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2026/QĐST- HNGĐ ngày 23/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1968; CCCD số: 00116801xxxx; nơi ĐKKHKT và trú tại: Số E, dãy A, tổ dân phố giấy cơ khí, xã P, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Đông Văn B**, sinh năm 1956; CCCD số: 00105602xxxx; nơi ĐKKHKT và trú tại: Số E, dãy A, tổ dân phố giấy cơ khí, xã P, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Về phía nguyên đơn:* Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản khai, lời khai và các tài liệu chứng cứ kèm theo trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Tôi và anh Đông Văn B kết hôn năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội (Nay là xã P, thành phố Hà Nội) ngày 12/4/2008. Nghề nghiệp của vợ chồng: Tôi làm công nhân nhà máy đường, về hưu năm 2014; anh B là cán bộ Ủy ban kiểm tra huyện ủy P, về hưu năm 2015.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng lấy nhau không có con chung nhưng hai bên lại đều có con riêng dẫn đến từ tình cảm đến kinh tế đều bị chi phối, không tin tưởng lẫn nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn. Chúng tôi cùng chung sống nhưng không chung về kinh tế, hàng tháng anh B chỉ đưa cho tôi 3 triệu để sinh hoạt, kinh tế của ai người đẩy giữ, mọi công việc gia đình và làm ăn không có sự bàn bạc, thiếu sự tôn trọng nhau như anh B tham gia bán hàng đa cấp..., tài sản riêng của anh B thì tự ý bán tiêu sài riêng mà không quan tâm ý kiến của tôi. Đỉnh điểm mâu thuẫn từ tháng 3/2024 cho đến nay, vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai kể cả tình cảm đến kinh tế, vợ chồng ăn riêng hơn 01 năm nay. Do mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên kéo dài dẫn đến không còn tình cảm, cuộc sống chung căng thẳng, mệt mỏi, không hạnh phúc. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công sức, công nợ chung của vợ chồng: Tại đơn xin ly hôn tôi có kê khai Tôi và anh B là đồng sở hữu mảnh đất có xây nhà 2 tầng đang sinh sống có địa chỉ tại: Số E, dãy A, TDP C, xã P, thành phố Hà Nội, và một số nội thất trong nhà. Xin được tự thỏa thuận. Đến nay, chúng tôi đã thỏa thuận và giải quyết xong về tài sản, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Thu nhập hiện tại của tôi khoảng 4.5 triệu/tháng; anh B khoảng 10 triệu/tháng (Đều hưởng lương hưu).

Do tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi tha thiết xin được toà sớm giải quyết để vợ chồng ly hôn và không hoà giải nhiều lần.

Về án phí: Tôi xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

*\*Bị đơn:* Anh Đồng Văn B trong suốt quá trình tố tụng được Tòa án giao, gửi, triệu tập nhiều lần và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt và không có quan điểm gì về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, có mặt chị M và chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị. Ngoài ra chị M cho rằng hiện tại vợ chồng vẫn sống chung nhà; các giấy tờ văn bản của Tòa chỉ đều đưa cho anh B đọc nhưng anh cho rằng mọi vấn đề liên quan đều đã thỏa thuận giải quyết, còn việc ly hôn do Tôi đơn phương xin ly hôn, anh không ký nên anh cũng không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Do vắng mặt bị đơn nên không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền; thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; các đương sự như nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật;

bị đơn vắng mặt không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật; về thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử kèm gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 203 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M và cần xử cho chị M được ly hôn anh B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công sức và công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh B và chị M có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:* Bị đơn anh Anh Đồng Văn B và chị Nguyễn Thị Tuyết M đều có hộ khẩu thường trú tại: Xã P, thành phố Hà Nội nên việc chị M có đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn (Lần 2 không lý do). Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh B, kết hôn năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội (Nay là xã P, thành phố Hà Nội) ngày 12/4/2008 . Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo chị M, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng lấy nhau nhiều năm nhưng không có con chung, ngược lại hai bên lại đều có con riêng dẫn đến từ tình cảm đến kinh tế đều bị chi phối, không tin tưởng lẫn nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn (từ tình cảm, kinh tế và mâu thuẫn gia đình). Vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai và ăn riêng hơn 01 năm nay. Do mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên kéo dài dẫn đến không còn tình cảm, cuộc sống chung căng thẳng, mệt mỏi, không hạnh phúc. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh B theo quy định của pháp luật.

Anh Đồng Văn B trong suốt quá trình tố tụng được Tòa án giao, gửi, triệu tập nhiều

lần và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt và không có quan điểm gì về nội dung vụ án.

Xác minh tại UBND xã P ngày 12/02/2026: Xác nhận anh B và chị M kết hôn có đăng ký tại UBND thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội (Nay là xã P, thành phố Hà Nội) ngày 12/4/2008; vợ chồng không có con chung. Quá trình chung sống địa phương cung cấp cũng có nhiều mâu thuẫn từ tình cảm đến kinh tế. Việc chị M có đơn xin ly hôn anh B địa phương không có ý kiến gì. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh B và chị M kết hôn từ năm 2008 đến nay nhưng không có con chung, ngược lại hai bên đều có con riêng dẫn đến quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn như trên, vợ chồng không còn hạnh phúc, sống chung nhà nhưng đã ly thân và ăn, ở riêng hơn 01 năm nay. Cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M và cần xử cho chị M được ly hôn anh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản, công sức, các khoản vay, cho vay của vợ chồng: Không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, Điều 56; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M đối với anh Đồng Văn B.

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Tuyết M** được ly hôn anh **Đồng Văn B**;
2. Về tài sản chung, công sức và công nợ chung của vợ chồng: Xin tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.
3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000876 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.
4. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND khu vực 11- HN;
- P THA DS khu vực 11 – HN;
- UBND xã Phú Xuyên - Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Duy Trí**